

**BÁO CÁO
TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC TỈNH QUẢNG BÌNH NĂM 2021**

Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo tình hình tài chính Nhà nước tỉnh Quảng Bình năm 2021 như sau:

Phần thứ nhất

**CĂN CỨ PHÁP LÝ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC TỈNH
NĂM 2021; BỐI CẢNH KINH TẾ XÃ HỘI VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN
NHIỆM VỤ TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC CỦA TỈNH**

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015;

Nghị định số 25/2017/NĐ-CP ngày 14/3/2017 của Chính phủ về Báo cáo tài chính nhà nước;

Thông tư 133/2018/TT-BTC ngày 28/12/2018 về hướng dẫn lập Báo cáo tài chính nhà nước;

Thông tư số 39/2021/TT-BTC ngày 01/06/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 133/2018/TT-BTC;

Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp;

Thông tư số 99/2018/TT-BTC ngày 01/11/2018 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn lập báo cáo tài chính tổng hợp của đơn vị kế toán nhà nước là đơn vị kế toán cấp trên.

Công văn số 14165/BTC-KBNN ngày 21/11/2019 của Bộ Tài chính về việc cung cấp thông tin tài chính và phối hợp giải trình, thuyết minh báo cáo tài chính nhà nước tỉnh.

**II. BỐI CẢNH KINH TẾ XÃ HỘI VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN
NHIỆM VỤ TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC NĂM 2021**

Năm 2021, đại dịch Covid-19 tiếp tục gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống, an toàn của người dân và phát triển kinh tế - xã hội của nước ta. Trước tình hình đó, dưới sự lãnh đạo thống nhất của cả hệ thống chính trị và sự chỉ đạo, điều hành quyết liệt của Chính phủ, sự đồng lòng, nhất trí của các cấp, các ngành, các địa phương; sự đồng tình, ủng hộ, chia sẻ và tham gia tích cực của các tầng lớp nhân dân, cộng đồng doanh nghiệp, kinh tế - xã hội nước ta đã đạt được kết quả đáng khích lệ.

Tại Quảng Bình, việc triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021 đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức rất lớn do ảnh hưởng của dịch Covid-19, hậu quả của lũ lụt năm 2020,... tác động đến hầu hết các ngành, lĩnh vực và đời sống nhân dân nên nhiều chỉ tiêu kinh tế - xã hội không đạt kế hoạch đề ra. Tuy vậy, tăng trưởng kinh tế của tỉnh đạt cao hơn mức tăng chung của cả nước, thu ngân sách vượt kế hoạch đề ra, lạm phát được kiểm soát, sản xuất công nghiệp có những tín hiệu tích cực, bộ mặt đô thị khởi sắc, nhiều tệ nạn xã hội được ngăn chặn, đẩy lùi,... Điều này cho thấy tính kịp thời, hiệu quả trong chỉ đạo, điều hành khôi phục kinh tế, phòng chống dịch bệnh và sự quyết tâm, đồng lòng của toàn bộ hệ thống chính trị, sự nỗ lực, cố gắng của người dân và cộng đồng doanh nghiệp để thực hiện có hiệu quả nhất mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Kết quả về hoạt động tài chính nhà nước tỉnh Quảng Bình năm 2021 đạt được như sau: Tổng thu NSNN là 25.220.852 triệu đồng, đạt 205% dự toán HĐND tỉnh giao. Thu cân đối ngân sách là 7.136.810 triệu đồng, trong đó thu ngân sách địa phương được hưởng là 6.046.790 triệu đồng. Thu bổ sung từ ngân sách Trung ương thực hiện 7.436.201 triệu đồng. Tổng chi ngân sách địa phương là 25.157.341 đạt 205% so với dự toán giao, bao gồm: chi đầu tư phát triển 5.941.426 triệu đồng, đạt 124,2% so với dự toán địa phương giao; chi thường xuyên 7.386.139 triệu đồng, đạt 101,8% dự toán giao¹.

Phần thứ hai

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC TỈNH NĂM 2021

I. SỐ LIỆU BCTCNN

1. Báo cáo tình hình tài chính nhà nước (Mẫu phụ lục I đính kèm)

Báo cáo này phản ánh tình hình tài sản và nguồn hình thành tài sản nhà nước tỉnh tại thời điểm 31/12/2021; phản ánh quy mô tài sản khu vực nhà nước, đang nằm ở đâu và được hình thành từ những nguồn nào, cụ thể như sau:

* Tại phần A: Tài sản nhà nước tỉnh tại ngày 31/12/2021 là: 80.032.223 triệu đồng, trong đó:

- Tiền tại quỹ ngân sách nhà nước, quỹ dự trữ tài chính và các cơ quan, đơn vị thuộc khu vực Nhà nước là 7.348.520 triệu đồng, chiếm 9.1% tổng tài sản;

- Các khoản đầu tư tài chính (ngắn hạn, dài hạn) tại các cơ quan, đơn vị thuộc khu vực Nhà nước là 1.452.012 triệu đồng, chiếm 1,8% tổng tài sản; trong đó vốn Nhà nước đầu tư tại các doanh nghiệp, ngân hàng và các tổ chức tài chính do địa phương quản lý là 1.388.809 triệu đồng (số liệu được cung cấp bởi Sở Tài chính tỉnh Quảng Bình);

¹ Báo cáo quyết toán NSNN tỉnh năm 2021 chốt số đến ngày điều chỉnh 31/10/2022.

- Các khoản phải thu của Nhà nước là 2.463.437 triệu đồng, chiếm 3,0% tổng tài sản;

- Hàng tồn kho gồm: Hàng hóa dự trữ quốc gia và nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ tại các cơ quan, đơn vị thuộc khu vực Nhà nước là 109.846 triệu đồng;

- Tài sản cố định (giá trị còn lại sau khấu hao, hao mòn) là 62.708.236 triệu đồng, chiếm 78,3% tổng tài sản, gồm tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và nước sạch do địa phương quản lý và tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình tại các cơ quan, đơn vị thuộc khu vực Nhà nước;

- Giá trị xây dựng cơ bản dở dang tại các cơ quan, đơn vị thuộc khu vực Nhà nước là 5.909.141 triệu đồng, chiếm 7,3% tổng tài sản;

- Các tài sản (ngắn hạn, dài hạn) khác của Nhà nước là 41.027 triệu đồng, chiếm tỷ lệ rất nhỏ trong tổng tài sản.

Tương ứng với các tài sản nêu trên, BCTHTCNN tính phản ánh nguồn hình thành các tài sản này. Các tài sản nêu trên được hình thành chủ yếu từ nguồn vốn (vốn chủ sở hữu) của nhà nước (được hình thành và tích lũy qua các năm từ hoạt động thu chi tài chính, ngân sách) và nguồn thặng dư (lũy kế).

* Tại phần B: Tổng công nợ của Nhà nước trên địa bàn tỉnh tại thời điểm ngày 31/12/2021 là 1.978.641 triệu đồng, bao gồm:

- Nợ của chính quyền địa phương là 368.003 triệu đồng², chiếm 18,6% tổng công nợ của Nhà nước tại địa phương bao gồm các khoản địa phương vay lại của Chính phủ.

- Nợ phải trả của khu vực HCSN (đơn vị đi vay, nợ phải trả nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ là đơn vị bên ngoài khu vực Nhà nước) là 1.610.404 triệu đồng, chiếm 81,4% tổng công nợ của Nhà nước;

Tổng công nợ của Nhà nước là 1.978.641 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 2,4% so với tổng tài sản của Nhà nước là 80.032.223 triệu đồng.

* Tại phần C: Tổng nguồn vốn của Nhà nước tại thời điểm 31/12/2021 là 78.053.582 triệu đồng, gồm:

- Nguồn vốn hình thành tài sản (giá trị còn lại của các tài sản cố định hữu hình và vô hình trang bị cho các cơ quan, đơn vị thuộc khu vực Nhà nước và nguồn vốn kinh doanh của các đơn vị sự nghiệp công lập) là 20.465.871 triệu đồng, chiếm 26,2% tổng nguồn vốn của Nhà nước.

- Thặng dư lũy kế đạt 56.142.479 triệu đồng, chiếm 71,9% tổng nguồn vốn của Nhà nước. Thực chất của số thặng dư lũy kế này trên BCTCNN tính năm 2021 chính là một nguồn lực tài chính tiềm năng mà nhà nước đang và sẽ được hưởng lợi do chênh lệch của hoạt động thu, chi tài chính từ các năm trước đây

² Số liệu được cung cấp từ Sở Tài chính tỉnh Quảng Bình.

cho việc phát triển kinh tế xã hội và từ sự phát triển kinh tế xã hội mang lại. Về mặt vật chất, nguồn lực tài chính này hiện hữu chủ yếu qua khoản giá trị tiền và tương đương tiền của nhà nước và giá trị còn lại các tài sản cố định của tỉnh như đã nêu.

Số liệu này sẽ là một căn cứ tài chính cho việc lập kế hoạch NSNN, kế hoạch tài chính nhà nước trong các năm tiếp theo. Trong trường hợp thâm hụt, nó phản ánh khả năng rủi ro hoặc khả năng mất cân đối tài chính, hoặc các nghĩa vụ tài chính mà nhà nước phải bù đắp trong các năm sau và cần tìm cách bổ sung nguồn thu hoặc tiết giảm các chi phí cho phù hợp, tiết kiệm và hiệu quả hơn trong quản lý nền kinh tế xã hội bằng các biện pháp tài chính.

- Nguồn vốn khác (bao gồm các quỹ của ĐVDT cấp I và Tài sản thuần của đơn vị áp dụng chế độ kế toán khác) là 1.445.231 triệu đồng, chiếm 1,8% tổng nguồn vốn của Nhà nước.

2. Báo cáo Kết quả hoạt động tài chính nhà nước (Phụ lục II đính kèm)

Khác với BCTHTCNN năm 2021 phản ánh tài sản và nguồn hình thành (lũy kế) của nhà nước đến hết năm 2021, BCKQHĐTCNN năm 2021 chỉ phản ánh số liệu doanh thu và chi phí của khu vực nhà nước theo từng năm của 2 năm liền kề (2020 và 2021).

Về mặt nguyên tắc, đối với doanh nghiệp, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là báo cáo tài chính tổng hợp, phản ánh tổng quát tình hình và kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) trong một kỳ hoạt động của doanh nghiệp và chi tiết cho các hoạt động kinh doanh chính. Đối với khu vực nhà nước, báo cáo này chỉ ra sự cân bằng giữa thu nhập (doanh thu) và chi phí trong từng kỳ kế toán của khu vực nhà nước, trong đó tập trung vào hoạt động thu, chi thuộc NSNN và các hoạt động ngoài NSNN của các đơn vị thuộc khu vực nhà nước (hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị sự nghiệp; hoạt động thu chi từ khoản phí được khấu trừ để lại cho đơn vị...).

Theo đó, tổng doanh thu năm 2021 của tỉnh Quảng Bình là 14.504.660 triệu đồng, trong đó: Thu thuộc NSNN là 13.481.103 triệu đồng, tương đương 92,9% tổng thu của Nhà nước; thu không thuộc NSNN là 1.023.556 triệu đồng, chiếm 7,1% tổng thu của Nhà nước. Cụ thể:

- Thu của NSNN phản ánh các khoản thu thuộc phạm vi quản lý của NSNN, trong đó: Thu thuế là 1.471.391 triệu đồng, chiếm 10,9% thu thuộc NSNN; thu phí, lệ phí là 460.406 triệu đồng, chiếm 3,4% thu thuộc NSNN; thu khác thuộc NSNN là 1.147.507 triệu đồng, chiếm 85,1% thu thuộc NSNN.

Tổng chi của Nhà nước trên phạm vi tỉnh là 10.207.414 triệu đồng, trong đó chi từ nguồn NSNN là 9.113.043 triệu đồng, tương đương 89,2% tổng chi

của Nhà nước; chi từ nguồn ngoài NSNN là 1.094.370 triệu đồng, tương đương 10,8% tổng chi của Nhà nước. Gồm:

- Chi từ nguồn NSNN, trong đó: Chi tiền lương, tiền công và chi khác cho con người 3.312.817 triệu đồng, chiếm 36,3% chi từ nguồn NSNN; chi vật tư, công cụ, dịch vụ 413.252 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 4,5%; chi phí hao mòn 2.697.184 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 33%; chi khác (chi hỗ trợ của NSNN cho các tổ chức chính trị, xã hội, nghề nghiệp, chi khác của xã,...) là 2.689.526 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 29,5% chi từ nguồn NSNN; chi tài chính (chi trả lãi vay, phí, lệ phí liên quan đến các khoản nợ của chính quyền địa phương, nợ của Chính phủ) năm 2021 là 262 triệu đồng chiếm tỷ lệ rất nhỏ.

Như vậy, các hoạt động thu chi NSNN vẫn là nguồn hình thành chủ yếu cho các khoản thặng dư tài chính hàng năm của tỉnh. Đây là một kết quả tích cực, tạo nguồn lực tài chính cho việc thực hiện các nhiệm vụ kinh tế xã hội của tỉnh trong những năm tiếp theo.

Doanh thu và chi phí của hoạt động ngoài NSNN còn chiếm tỷ trọng nhỏ. Điều này phản ánh các khoản thu chi NSNN nước vẫn là hoạt động tài chính chủ yếu của nhà nước; mức độ xã hội hóa các khoản thu, chi (sự nghiệp, dịch vụ...) từ khu vực nhà nước còn thấp.

- Thặng dư tài chính của Nhà nước tại tỉnh năm 2021 là 4.297.246 triệu đồng, trong đó Thặng dư trong NSNN năm 2021 là 4.368.059 triệu đồng, thâm hụt ngoài NSNN là 70.813 triệu đồng. Giảm tuyệt đối so với năm 2020 là 1.771.743 triệu đồng tương ứng 29%, nguyên nhân là do năm 2021 tổng thu nhập của Nhà nước tăng 176.423 triệu đồng trong khi tổng chi phí tăng 1.948.167 triệu đồng so với năm 2020. Chi phí năm 2021 chủ yếu tăng do chi phí từ nguồn ngân sách nhà nước là chủ yếu trong đó tăng từ chi phí cho con người và chi phí hao mòn (do năm 2021 tổng hợp số liệu chi phí hao mòn ở phần tài sản kết cấu hạ tầng do UBND huyện quản lý).

3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Phụ lục III đính kèm)

Số liệu tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ 2021 khớp số liệu về tiền và các khoản tương đương tiền trên BCTHTCNN năm 2021.

Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động chủ yếu trên phạm vi tỉnh năm 2021 là 4.824.809 triệu đồng (dòng tiền thu vào), trong đó gồm thu vào từ thặng dư năm 2021 là 4.297.246 triệu đồng và thu vào từ điều chỉnh các khoản là 527.562 triệu đồng.

Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư trên phạm vi tỉnh năm 2021 là 3.147.108 triệu đồng (dòng tiền chi ra), trong đó tiền chi ra cho hoạt động mua sắm, đầu tư xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác là 3.547.458 triệu

đồng, tiền thu vào từ các khoản cho vay, thu từ bán cổ phần, vốn góp và các khoản đầu tư là 402.788 triệu đồng.

Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động tài chính năm 2021 trên phạm vi tỉnh là 99.531 triệu đồng (dòng tiền vào), trong đó dòng tiền ra từ chi hoàn trả gốc vay là 20.114 triệu đồng, dòng tiền vào từ khoản đi vay là 119.518 triệu đồng.

Phản ánh chênh lệch giữa tổng số tiền thực thu vào với tổng số tiền thực chi ra từ các hoạt động chủ yếu, hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính. Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ năm 2021 trên phạm vi tỉnh là 1.777.232 triệu đồng.

4. Thuyết minh BCTCNN (Phụ lục IV đính kèm)

Theo quy định, Thuyết minh BCTCNN tỉnh bao gồm 2 phần: Phần thuyết minh (phần lời) và phần số liệu. Phần thuyết minh nêu một số các nội dung liên quan để làm rõ hơn về tình hình kinh tế xã hội, các nguyên tắc, phương pháp kế toán, tổng hợp số liệu... và đặc biệt là giải thích rõ hơn một số số liệu chi tiết trong báo cáo mà các số liệu tổng hợp trên 3 báo cáo tài chính nhà nước nêu trên chưa chi tiết được. Phần số liệu được nêu chi tiết hơn đối với một số số liệu quan trọng, trọng yếu trong 3 báo cáo đã nêu như: chi tiết và biến động các loại tài sản cố định của tỉnh; chi tiết về đầu tư vốn nhà nước tỉnh tại doanh nghiệp; chi tiết các nguồn doanh thu từ các loại thuế (TNDN, VAT...), phí, lệ phí và doanh thu khác...

5. Giải trình một số khác biệt trọng yếu giữa BCTCNN tỉnh Quảng Bình và báo cáo quyết toán NSNN tỉnh năm 2021

Do phạm vi và phương pháp lập BCTCNN khác với báo cáo quyết toán NSNN nên số liệu trên BCTCNN và Báo cáo quyết toán NSNN có nhiều điểm khác biệt giữa các chỉ tiêu, cung cấp những cách nhìn khác nhau giữa số liệu tài chính nhà nước và NSNN. Một số khác biệt trọng yếu giữa các chỉ tiêu như sau:

- Khác biệt giữa số liệu doanh thu thuộc NSNN và số thu NSNN năm 2021: Doanh thu NSNN phản ánh cả số liệu phải thu NSNN của cơ quan thuế đến hết 2021, do cơ quan thuế quản lý phát sinh trong năm theo Tờ khai của người nộp thuế, văn bản xác định nghĩa vụ thuế của cơ quan nhà nước có thẩm quyền sau khi đã tính trừ đi khoản giảm thu phát sinh trong năm báo cáo; trong khi đó số quyết toán thu NSNN 2021 chỉ phản ánh số thực thu NSNN 2021.

- Khác biệt giữa số chi phí từ nguồn NSNN 2021 và số liệu chi NSNN 2021.

Trong số chi phí từ nguồn NSNN cho đầu tư XD CB, số liệu chi phí khấu hao, hao mòn TSCĐ (hình thành từ NSNN do mua sắm hoặc do chi đầu tư XD CB) chỉ được trích dần theo từng năm (trương ứng với tỷ lệ khấu hao, hao mòn theo quy định) từ khi bàn giao TSCĐ hoặc công trình XD CB vào sử dụng; trong khi đó số chi NSNN cho ĐTXD CB hàng năm cho công trình được tổng hợp toàn bộ vào báo cáo quyết toán chi NSNN theo niên độ ngân sách. Ngoài

ra, theo phương pháp tổng hợp BCTCNN, chi phí từ nguồn NSNN không tổng hợp các số liệu chi NSNN như: chi chuyển nguồn; loại trừ các khoản chi bổ sung cân đối, bổ sung mục tiêu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương; chi cho hoạt động an ninh, quốc phòng; chi hỗ trợ cho các đơn vị khác đóng trên địa bàn.

- Khác biệt giữa số thặng dư (thâm hụt) và kết dư NSNN 2021: Từ sự khác biệt về doanh thu với thu NSNN, chi phí với chi NSNN nêu trên dẫn đến sự khác biệt về số liệu giữa thặng dư và kết dư NSNN 2021.

II. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

- Về việc quản lý các nguồn thu tài chính: Trên BCTCNN năm 2021 cũng như các năm trước thể hiện rõ nguồn thu chính thuộc NSNN là doanh thu từ thuế. Vì vậy, cùng với việc tiếp tục duy trì và tăng cường nuôi dưỡng các khoản thu từ thuế, cần đánh giá, tăng cường và đa dạng hóa các nguồn thu ngoài thuế, đặc biệt là các khoản thu phí của đơn vị sự nghiệp - theo hướng đổi mới và thúc đẩy mạnh mẽ công tác tự chủ tài chính khu vực sự nghiệp công; thu từ các hoạt động kinh doanh của các lĩnh vực là lợi thế so sánh của tỉnh so với các tỉnh khác (như hoạt động du lịch, dịch vụ; khu công nghiệp nằm gần trung tâm tỉnh...) để giảm tác động của các khoản thu mang tính phụ thuộc, không bền vững và về lâu dài sẽ cạn kiệt (như khoản thu từ quyền sử dụng đất, thu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên hiện vẫn đang chiếm tỷ trọng lớn trong các khoản thu tài chính). Tiếp tục triển khai các giải pháp tăng thu, chống thất thu thuế, trong đó tập trung chống thất thu trong lĩnh vực kinh doanh nhà hàng, khách sạn; kinh doanh bất động sản.

- Về việc quản lý chi phí: Cơ cấu chi phí vẫn chủ yếu là chi cho con người và chi xây dựng cơ bản. Do đó, cần tiếp tục đẩy mạnh việc triển khai thực hiện cơ chế tự chủ về biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước gắn với chủ trương tinh giản biên chế và sắp xếp lại tổ chức bộ máy; nâng cao tính tự chủ và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập. Tiếp tục tăng cường các giải pháp đẩy nhanh tiến độ các công trình đầu tư xây dựng cơ bản, tiết kiệm các chi phí tài chính góp phần thúc đẩy các hoạt động kinh tế xã hội, từ đó tác động lại đến khả năng tạo nguồn cho hoạt động thu tài chính. Tiếp tục điều hành ngân sách chặt chẽ, linh hoạt; đảm bảo đủ nguồn lực để thực hiện các chế độ chính sách do trung ương và địa phương ban hành, không để xảy ra tình trạng nợ chính sách.

- Về quản lý tài sản công: Để đảm bảo chính xác số liệu về tài sản là kết cấu hạ tầng, các đơn vị liên quan (Sở Tài chính, Sở Giao thông Vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND các huyện, thị xã, thành phố...) tổ chức rà soát và đảm bảo thực hiện theo dõi, hạch toán kế toán đầy đủ các tài sản là kết cấu

hạ tầng theo đúng quy định tại Thông tư số 98/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 25/7/2014 hướng dẫn kế toán tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và Thông tư số 76/2019/TT-BTC của BTC ngày 05/11/2019 hướng dẫn kế toán tài sản kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi; thực hiện phân cấp trong việc quản lý, cung cấp số liệu cụ thể, chính xác về tài sản công theo đúng quy định.

- Về trách nhiệm lập BCTCNN: Nhìn chung các đơn vị dự toán đã thực hiện lập và gửi báo cáo cung cấp thông tin đến KBNN Quảng Bình đúng thời gian quy định. Tuy nhiên vẫn còn một số đơn vị chưa thực sự chủ động trong việc cung cấp cũng như tổng hợp báo cáo, số liệu còn phải điều chỉnh nhiều lần. Vì vậy, để đảm bảo việc tổng hợp BCTCNN chính xác và đúng thời gian quy định, yêu cầu các đơn vị dự toán thực hiện nghiêm túc theo quy định tại Nghị định số 25/2017/NĐ-CP ngày 14/03/2017 của Chính phủ về Báo cáo tài chính nhà nước, Thông tư số 133/2018/TT-BTC ngày 28/12/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập Báo cáo tài chính Nhà nước và Thông tư số 39/2021/TT-BTC ngày 01/06/2021 của Bộ Tài chính.

Trên đây là nội dung BCTCNN tỉnh Quảng Bình năm 2021, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh ;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- KBNN tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phan Mạnh Hùng